

DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 33/2026¹
ÁN LỆ SỐ /2026/AL

Về hiệu lực của điều khoản hạn chế cạnh tranh trong hợp đồng lao động

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày... tháng... năm 2026 và được công bố theo Quyết định số .../QĐ-CA ngày... tháng... năm 2026 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Bản án phúc thẩm số 03/2023/LĐ-PT ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa về vụ án lao động “Yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng lao động” giữa nguyên đơn là Công ty Cổ phần Công nghệ T với bị đơn là ông Nguyễn Đình D.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 4 và 6 phần “Nhận định của Tòa án”.

Khái quát nội dung của án lệ:

- Tình huống án lệ:

Người sử dụng lao động và người lao động ký kết Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh, trong đó có điều khoản quy định người lao động không được làm việc hoặc hợp tác với người sử dụng lao động khác trong một thời hạn nhất định kể từ ngày thôi việc. Người sử dụng lao động khác không cùng ngành nghề kinh doanh, không là đối thủ cạnh tranh với người sử dụng lao động.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, Tòa án phải xác định điều khoản trên của Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có giá trị pháp lý.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

Các điều 5, 10, khoản 2 Điều 21 Bộ luật Lao động năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Từ khóa của án lệ:

“Yêu cầu bồi thường do vi phạm hợp đồng lao động”; Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin”; “Thỏa thuận không cạnh tranh”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đình D là kỹ thuật viên thuộc Đội kỹ thuật dự án của Công ty Cổ phần Công nghệ T (viết tắt Công ty T), trực tiếp thực hiện các công việc của

¹ Dự thảo án lệ này do Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

Công ty theo phạm vi công việc đã thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế giữa Công ty T và Công ty TNHH lọc hóa dầu N tại dự án Nhà máy lọc hóa dầu N.

Với mong muốn đảm bảo công việc ổn định cho nhân viên tại dự án và đảm bảo bí mật kinh doanh của Công ty, tránh tình trạng chảy máu chất xám và để giữ chân nhân viên. Trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận và cùng ký kết trong tình trạng tinh thần tỉnh táo, không bị lừa dối hay ép buộc, nhằm đảm bảo có lợi nhất cho lợi ích của mỗi bên, hai bên đã cùng thỏa thuận và cam kết thực hiện theo Hợp đồng lao động số: 0110.07/2019/HĐLĐ-TT ngày 01/10/2019 và Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh số: 06/2019/TTCKBM-TT ngày 30/09/2019, cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng lao động, người lao động có nghĩa vụ: “Bảo mật thông tin: Người lao động tuân thủ và cam kết thực hiện đúng, đủ các thỏa thuận, điều khoản đã ký với Công ty trong Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh”.

Tại điểm f khoản 4.1 Điều 4 của Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh hai bên đã thống nhất: “Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhân viên thôi không còn là nhân viên của Công ty, nhân viên không làm việc hoặc cộng tác cho bất kỳ cá nhân/đơn vị/doanh nghiệp/công ty dưới bất kỳ hình thức nào để làm việc hoặc thực hiện bất kỳ dự án nào tại nhà máy Công ty TNHH Lọc hóa dầu N”.

Theo các quy định trên, Ông Nguyễn Đình D nghỉ việc ở Công ty T ngày 01/03/2021 thì trong vòng 12 tháng, kể từ ngày 01/3/2021 đến 28/02/2022, ông D không được làm việc hoặc cộng tác cho bất kỳ cá nhân/đơn vị/doanh nghiệp/công ty dưới bất kỳ hình thức nào để làm việc hoặc thực hiện bất kỳ dự án nào tại Nhà máy lọc hóa dầu N. Tuy nhiên, ngày 15/6/2021 ông D đã ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH lọc hóa dầu N và làm việc tại dự án Nhà máy lọc hóa dầu N là vi phạm “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh” và “Hợp đồng lao động” đã ký với Công ty T.

Ngày 16/9/2022, Công ty T có báo cáo bổ sung với nội dung: Công việc ông D đang làm hiện nay tại Nhà máy lọc hóa dầu N vẫn là công việc, vị trí công tác như khi làm việc cho Công ty T (có kèm theo tài liệu “Quy trình phối hợp công việc giữa Công ty T và Công ty TNHH lọc hóa dầu N”, và các văn bản ký xác nhận nghiệm thu công việc hàng tháng giữa hai bên có tên Ông Nguyễn Đình D là đại diện của Công ty TNHH lọc hóa dầu N). Như vậy, ông D đã vi phạm “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh” và “Hợp đồng lao động” đã ký với Công ty T”.

Công ty T đề nghị Tòa án buộc Ông Nguyễn Đình D bồi thường cho Công ty T số tiền 251.800.000đ theo yêu cầu khởi kiện đã được Công ty T nộp cho Tòa án.

2. Bị đơn là anh Nguyễn Đình D trình bày:

Việc anh ký hợp đồng lao động và ký thêm bản cam kết với Công ty T như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Nhưng sau một thời gian làm việc, thấy công việc không còn phù hợp với bản thân nên anh đã nộp đơn xin thôi việc. Sau khi nhận Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty T, ngày 15/6/2021 anh nộp hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH lọc hóa dầu N và trúng tuyển. Về bản chất, Công ty TNHH lọc hóa dầu N chính là công ty thuê Công ty T bảo trì thiết bị, là đối tác chứ không phải là đối thủ cạnh tranh của Công ty T. Anh được biết, đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH lọc hóa dầu N không có hạng mục kinh doanh ngành nghề như Công ty T nên giữa hai công ty không có việc cạnh tranh trong kinh doanh. Do vậy, việc Công ty T cho rằng anh vi phạm bảo mật thông tin và không cạnh tranh là vô lý vì anh không nắm giữ bất cứ tài liệu hoặc thông tin quan trọng nào của Công ty T. Vì tất cả các lý do nêu trên, anh đề nghị Công ty T không áp dụng các nội dung trong đơn khởi kiện đối với anh.

3. Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N áp dụng: Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Anh Nguyễn Đình D phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty T số tiền 251.800.000đ.

Về án phí: Anh Nguyễn Đình D phải chịu 12.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.000.000đ theo Biên lai thu số AA/2021/0011980 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/10/2022 TAND thị xã N ban hành Quyết định số: 01/2022/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm. Nội dung sửa chữa, bổ sung: “... Về án phí: Anh Nguyễn Đình D phải chịu 7.554.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí chi đã nộp là 6.000.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0011980 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Thanh Hóa”.

4. Kháng cáo, kháng nghị:

- Ngày 04/10/2022 Anh Nguyễn Đình D làm đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

- Ngày 21/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân thị xã N ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKS-LĐ kháng nghị Bản án sơ thẩm với nội dung:

+ Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, vì “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh”, “Hợp đồng lao động” giữa Công ty T và Anh Nguyễn Đình D là trái với quy định tại khoản 1 Điều 35 Hiến pháp 2013; điểm a khoản 1 Điều 5 Bộ luật lao động năm 2019; khoản 1 Điều 4, khoản 6 Điều 9 Luật việc làm 2013.

+ Không có tài liệu, chứng cứ nào xác định Anh Nguyễn Đình D đã cung cấp, sử dụng hoặc làm lộ bí mật thông tin kinh doanh, gây thiệt hại cho Công ty T nên Bản án sơ thẩm buộc anh D bồi thường thiệt hại là xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh D.

+ Bản án sơ thẩm xác định tiền án phí anh D phải chịu và tiền tạm ứng án phí trả lại cho nguyên đơn không đúng.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vắng mặt, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Kháng cáo của Anh Nguyễn Đình D và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của VKSND thị xã N là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Chấp nhận Quyết định kháng nghị của VKSND thị xã N và kháng cáo của Anh Nguyễn Đình D. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T, sửa phần án phí. Anh Nguyễn Đình D không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn không có kháng cáo, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo, kháng nghị:

[3] Kháng cáo của Anh Nguyễn Đình D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đều có nội dung: Bản án sơ thẩm buộc anh D bồi thường cho

Công ty T không có căn cứ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

[4] Căn cứ để Công ty T khởi kiện cho rằng anh Nguyễn Đình D vi phạm, phải bồi thường thiệt hại gồm: (1) Thỏa thuận tại điểm f khoản 4.1 Điều 4 của “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh” ngày 30/9/2019: “Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhân viên thôi không còn là nhân viên của Công ty, nhân viên không làm việc hoặc cộng tác cho bất kỳ cá nhân/đơn vị/doanh nghiệp/công ty dưới bất kỳ hình thức nào để làm việc hoặc thực hiện bất kỳ dự án nào tại nhà máy Công ty TNHH Lọc hóa dầu N”; (2) Thỏa thuận tại Khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng lao động, ngày 01/9/2019: “Người lao động tuân thủ và cam kết thực hiện đúng, đủ các thỏa thuận, điều khoản đã ký với Công ty trong Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh”; (3) Anh Nguyễn Đình D không làm việc cho Công ty T từ ngày 01/03/2021, nhưng ngày 15/6/2021 đã ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH lọc hóa dầu N (chưa hết 12 tháng theo thỏa thuận).

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D thừa nhận đã ký thỏa thuận và Hợp đồng lao động với Công ty T như nêu trên. Tại thời điểm ký kết anh cần việc làm và không hiểu hết các điều khoản do Công ty T soạn sẵn trong hợp đồng nên anh ký mà không thắc mắc gì, quá trình làm việc anh đã có 07 năm làm nghề trước đó nên Công ty T không phải đào tạo gì thêm, anh làm các công việc do Công ty T giao tại Nhà máy lọc hóa dầu N, ngoài ra anh không được giao nắm giữ thông tin, bí mật gì của Công ty T; đến thời điểm bị Công ty T khởi kiện anh mới nghiên cứu pháp luật và thấy các thỏa thuận mà Công ty T yêu cầu anh cam kết là không đúng pháp luật, nên Công ty căn cứ vào các thỏa thuận này để buộc anh bồi thường thiệt hại là không đúng.

[6] Xét thấy, mặc dù giữa Công ty T và anh Nguyễn Đình D đã ký kết “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh” và “Hợp đồng lao động” có các điều khoản như đã nêu. Tuy nhiên, các thỏa thuận mà các bên ký kết không phù hợp với quy định tại Điều 35 của Hiến pháp về quyền lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc của công dân; trái với quy định tại Điều 5, Điều 10 của Bộ luật lao động về quyền tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm của người lao động. Do các thỏa thuận mà Công ty T và anh D đã ký kết không phù hợp với các quy định của pháp luật nên không có giá trị pháp lý để buộc anh D không được “làm việc hoặc cộng tác cho bất kỳ cá nhân/đơn vị/doanh nghiệp/công ty dưới bất kỳ hình thức nào để làm việc hoặc thực hiện bất kỳ dự án nào tại nhà máy Công ty TNHH Lọc hóa dầu N” trong thời gian 12 tháng từ khi không làm việc tại Công ty T. Mặt khác, Công ty T cho rằng hiện tại anh D làm việc tại Công ty TNHH lọc hóa dầu N là vi phạm “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh”, nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh anh Nguyễn Đình D đã sử dụng hoặc đã làm lộ bí mật gì của Công ty T; trên thực tế Công ty T và Công

ty TNHH lọc hóa dầu N không cùng ngành nghề kinh doanh, không là đối thủ cạnh tranh với nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bản án sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu Công ty T xuất trình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc anh D phải bồi thường thiệt hại cho Công ty T là không có cơ sở, gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của anh D. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

[7] Đối với nội dung kháng nghị về phần án phí của bản án sơ thẩm:

[8] Bản án sơ thẩm xác định số tiền án phí anh D phải chịu và số tiền tạm ứng án phí trả lại cho nguyên đơn trong Bản án sơ thẩm không đúng nên đã ban hành Quyết định sửa chữa bổ sung bản án. Tuy nhiên, do cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên xác định lại nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật, cụ thể: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là $251.800.000đ \times 5\% = 12.590.000đ$, được trừ 6.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0011980 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Anh D không phải chịu án phí sơ thẩm.

[9] Án phí phúc thẩm: Anh D không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí anh đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 BLTTDS. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của Anh Nguyễn Đình D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N.

2. Sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2022/LĐ-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã N như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Công nghệ T.

Về án phí: Công ty Cổ phần Công nghệ T phải chịu 12.590.000đ tiền án phí. Được trừ 6.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số: AA/2021/0011980 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Công ty Cổ phần Công nghệ T còn phải nộp tiếp 6.590.000đ tiền án phí.

3. Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Đình D không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho anh D 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2021/0012262 ngày 09/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

NỘI DUNG ÁN LỆ

“[4] Căn cứ để Công ty T khởi kiện cho rằng anh Nguyễn Đình D vi phạm, phải bồi thường thiệt hại gồm: (1) Thỏa thuận tại điểm f khoản 4.1 Điều 4 của “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh” ngày 30/9/2019: “Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nhân viên thôi không còn là nhân viên của Công ty, nhân viên không làm việc hoặc cộng tác cho bất kỳ cá nhân/đơn vị/doanh nghiệp/công ty dưới bất kỳ hình thức nào để làm việc hoặc thực hiện bất kỳ dự án nào tại nhà máy Công ty TNHH Lọc hóa dầu N”; (2) Thỏa thuận tại Khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng lao động, ngày 01/9/2019: “Người lao động tuân thủ và cam kết thực hiện đúng, đủ các thỏa thuận, điều khoản đã ký với Công ty trong Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh”; (3) Anh Nguyễn Đình D không làm việc cho Công ty T từ ngày 01/03/2021, nhưng ngày 15/6/2021 đã ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH lọc hóa dầu N (chưa hết 12 tháng theo thỏa thuận).”.

“[6] Xét thấy, mặc dù giữa Công ty T và Anh Nguyễn Đình D đã ký kết “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh” và “Hợp đồng lao động” có các điều khoản như đã nêu. Tuy nhiên, các thỏa thuận mà các bên ký kết không phù hợp với quy định tại Điều 35 của Hiến pháp về quyền lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc của công dân; trái với quy định tại Điều 5, Điều 10 của Bộ luật lao động về quyền tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm của người lao động. Do các thỏa thuận mà Công ty T và anh D đã ký kết không phù hợp với các quy định của pháp luật nên không có giá trị pháp lý để buộc anh D không được “làm việc hoặc cộng tác cho bất kỳ cá nhân/đơn vị/doanh nghiệp/công ty dưới bất kỳ hình thức nào để làm việc hoặc thực hiện bất kỳ dự án nào tại nhà máy Công ty TNHH Lọc hóa dầu N” trong thời gian 12 tháng từ khi không làm việc tại Công ty T. Mặt khác, Công ty T cho rằng hiện tại anh D làm việc tại Công ty TNHH lọc hóa dầu N là vi phạm “Thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin và không cạnh tranh”, nhưng không xuất trình được tài liệu chứng minh Anh Nguyễn Đình D đã sử dụng hoặc đã làm lộ bí mật gì của Công ty T; trên thực tế Công ty T và Công ty TNHH lọc hóa dầu N không cùng ngành nghề kinh doanh, không là đối thủ cạnh tranh với nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bản án sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu Công ty T xuất trình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc anh D phải bồi thường thiệt hại cho Công ty T là không có cơ sở, gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của anh D. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị

xã N, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T.”.